TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01– 03 – 2022
Về việc: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng.

Bà Lâm Lệ Oanh.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, về việc: "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Khu phố B , phường Q , thị xã S , tỉnh T;

Tạm trú: Tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh K .

Bị đơn: Ông Trần Trí P, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường Q, thị xã S, tỉnh T;

Tạm trú: Tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Trần Trí P chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường phường Q, huyện S, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2000 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn cố gắng chung sống với nhau, tuy nhiên thời gian sau này ông P sử dụng ma túy, không lo làm ăn và không quan tâm chăm lo đời sống cho vợ con mà còn nhiều lần kiếm chuyện gây gỗ, dùng lời lẽ thô tục chửi bới bà, thậm chí còn đập phá đồ đạc trong gia đình, hăm dọa chém bà và các con. Trước đây, ông P từng nhiều lần bị đưa đi cai nghiện ma túy nhưng khi cai nghiện xong được về địa phương thì ông P tiếp tục tái nghiện. Tháng 8/2021, ông P tiếp tục sử dụng ma túy, bà có báo với chính quyền địa phương để đưa ông P đi cai nghiện thì ông P bỏ nhà đi cho đến nay không có liên lạc gì về cho bà và các con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Trí P.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà chung sống có hai con chung tên Trần Trí Q, sinh ngày 29/6/1995 và Trần Trí L, sinh ngày 12/9/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày ông, bà chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Trí P nhưng qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của ông Trần Trí P thì được cung cấp thông tin ông Trần Trí P không có mặt tại

địa phương. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên cho đến nay ông Trần Trí P cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự , tuy nhiên vụ án đã quá thời hạn xét xử. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Trí P chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Trí P chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường phường Q , huyện S, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/1995. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2000 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nhưng vợ chồng vẫn cố gắng chung sống với nhau, tuy nhiên thời gian sau này ông P sử dụng ma túy, không lo làm ăn và không quan tâm chăm lo đời sống cho vợ con. Trước đây, ông P từng nhiều lần bị đưa đi cai nghiện ma túy nhưng khi cai nghiện xong được về địa phương thì ông P tiếp tục tái nghiện. Tháng 8/2021, ông P tiếp tục sử dụng ma túy, bà có báo với chính quyền địa phương để đưa ông P đi cai nghiện thì ông P bỏ nhà đi cho đến nay không có liên lạc gì về cho bà và các con. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông P đã phát sinh trong thời gian dài, ông bà cũng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, hiện nay ông P đi đâu làm gì bà L cũng không rõ, do đó đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Trí P. Ông, bà chung sống có 02 con chung tên Trần Trí Q , sinh ngày 29/6/1995

và Trần Trí L, sinh ngày 12/9/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Trí P, xét ông P có đăng ký tạm trú tại tổ 2, khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Trí P được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Trí P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Trí P chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường phường Q, huyện S, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/1995, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo bà L thời gian đầu vợ chồng ông, bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2000, giữa vợ chồng ông, bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn cố gắng chung sống với nhau, tuy nhiên thời gian sau này ông P sử dụng ma túy, không lo làm ăn và không quan tâm chăm lo đời sống cho vợ con mà còn nhiều lần kiếm chuyện gây gỗ bà và các con, bà và ông P không còn chung sống

khoảng 3 năm nay. Trước đây, ông P từng nhiều lần bị đưa đi cai nghiện ma túy nhưng khi cai nghiện xong được về địa phương thì ông P tiếp tục tái nghiện. Tháng 8/2021**,** ông P tiếp tục sử dụng ma túy, bà có báo với chính quyền địa phương để đưa ông P đi cai nghiện thì ông P bỏ nhà đi cho đến nay không có liên lạc gì về cho bà và các con. Quá trình giải quyết vụ án ông P không có ý kiến trình bày về nội dung vụ việc để yêu cầu Tòa án xem xét. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Trí P được cung cấp thông tin bà L và ông P có đăng ký tạm trú tại khu phố 3, phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, quá trình cư trú tại địa phương ông Trần Trí P là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên sử dụng ma túy, trước đây ông P từng bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, sau khi cai nghiện xong trở về địa phương ông P tiếp tục sử dụng ma túy và vợ chồng ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó thì ông P bỏ đi đến nay khoảng hơn 01 năm. Xét thấy, giữa vợ chồng bà L và ông P có mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay vợ chồng ông, bà không còn chung sống với nhau, ông bà cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau, từ tháng 8/2021 cho đến nay ông P đã bỏ địa phương đi, bà L và ông P không còn chung sống với nhau làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận cho bà L và ông P được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Trí P chung sống có hai con chung tên Trần Trí Q, sinh ngày 29/6/1995 và Trần Trí L, sinh ngày 12/9/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng ông bà có tài

sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày trình bày ông bà chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Trí P.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Trí P chung sống có hai con chung tên Trần Trí Q , sinh ngày 29/6/1995 và Trần Trí L, sinh ngày 12/9/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng ông bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày trình bày ông bà chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003556 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, sau khi khấu trừ bà Nguyễn Thị L không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Trần Trí P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Đăng